TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/DS-ST Ngày: 06-3-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Trần Minh Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H1 (Tên thường gọi: Sáu Hùng), sinh năm 1962 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim H2, sinh năm 1954 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông H1 là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp "Sáu Hùng" tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Trong khoản thời gian từ năm 2017 đến năm 2020 (cụ thể là ngày 25/6/2020), ông H1 có bán vật tư nông nghiệp cho bà Trần Kim H2, sinh năm 1954, ngụ tại ấp T, cùng xã T. Hai bên mua bán theo hình thức có mua, có trả. Đến ngày 11/7/2021, hai bên chốt nợ, xác định bà H2 còn nợ lại số

tiền 39.200.000 đồng. Từ khi chốt nợ cho đến nay, bà H2 vẫn chưa thanh toán được cho ông H1 khoản tiền nào. Do đó, ông H1 khởi kiện, yêu cầu bà H2 phải trả cho ông số tiền còn nợ là 39.200.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông H1 không có yêu cầu gì khác.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Kim H2 trình bày:

Bà H2 thống nhất lời trình bày của ông H1 về quá trình mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà và ông H1. Bà H2 thừa nhận còn nợ ông H1 số tiền 39.200.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế hiện tại khó khăn nên bà H2 xin được trả dần, bằng cách trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bà H2 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông H1 và bị đơn bà H2 cùng thay đổi lời trình bày, cùng xác định bà H2 đã trả được 1.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại số tiền 38.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1: Ông H1 yêu cầu bà H2 trả số tiền còn nợ là 38.200.000 đồng xuất phát từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa hai bên từ năm 2017. Tên thường gọi khi mua bán của ông H1 là "Sáu Hùng". Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông H1 đã giao nộp 01 Văn bản viết tay ngày 11/7/2021 do ông H1 viết và bà H2 không ký tên nhưng ghi họ tên vào. Nội dung thể hiện số tiền còn thiếu trong giao dịch mua bán giữa hai bên là 39.200.000 đồng. Lời trình bày của ông H1 được bà H2 thống nhất toàn bộ, đồng thời bà H2 thừa nhận chữ viết ghi họ tên của bà trong Văn bản viết tay do ông H1 giao nộp. Tại phiên toà, cả ông H1 và bà H2 đều thống nhất bà H2 đã trả được 1.000.000 đồng, đồng thời bà H2 đồng ý trả số tiền 38.200.000 đồng theo yêu cầu của ông H1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H1 là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất chậm trả: Hai bên chốt nợ vào ngày 11/7/2021, tuy nhiên ông H1 không yêu cầu về lãi suất trong khoản thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà H2 xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được ông H1 đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà H2 chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền. Do đó yêu cầu của ông H1 buộc bà H2 trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H1 được chấp nhận nên bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố dụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà H2 là người cao tuổi có yêu cầu miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 278, 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1.

Buộc bà Trần Kim H2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 38.200.000 đồng *(Ba mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng),* thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Trần Kim H2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H1 đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm